TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2026/DS-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Lộc và bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Toản – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2026/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1);** trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm X; Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Bà Đinh Ngọc T1 – Chuyên viên xử lý nợ và ông Nguyễn Hoàng T2 – Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: A N, đặc khu P, tỉnh An Giang (bà T1 có mặt, ông T2 vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1972; CCCD số: 095172008175; Địa chỉ: Khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hang T4 do bà Đinh Ngọc T1 đại diện trình bày:

Ngày 13/10/2022, bà Nguyễn Thị T3 đã ký Hợp đồng vay số LD2228601864 số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình vay vốn, bà T3 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 10/5/2023. Mặc dù Ngân hàng đã liên hệ và làm việc để yêu cầu bà T3 thực hiện nghĩa vụ nhưng vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 289.651.712 đồng (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T3 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 289.651.712 đồng (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 18/7/2026 trở đi bà T3 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán toàn bộ nợ cho V1.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T3: Đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng bà T3 không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 117, 119, 357, 422, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị T3.

- Buộc bà Nguyễn Thị T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 289.651.712 đồng (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 18/7/2026 trở đi bà

T3 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán toàn bộ nợ cho V1.

- Về án phí: Bà T3 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại đặc khu P, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 10/10/2022, Ngân hàng TMCP V (V1) có ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LD2228601864, với số tiền vay 200.000.000 đồng.

Quá trình vay bà T3 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 10/5/2023. Do đó, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu buộc bà T3 trả nợ vay tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 289.651.712 đồng (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Xét giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ LD2228601864 được ký kết giữa Ngân hàng V1 với bà Nguyễn Thị T3: Về hình thức hợp đồng được lập thành văn bản, có ký tên, đóng dấu và tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 BLDS năm 2015. Về nội dung: Hợp đồng được các bên thỏa thuận rõ số tiền cấp tín dụng, lãi suất, phương thức trả nợ, trách nhiệm vi phạm hợp đồng cụ thể, rõ ràng theo quy định pháp luật. Việc thỏa thuận của các bên là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình vay, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/5/2023 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T3 trả nợ gốc và lãi tạm tính đến 17/7/2026 là 289.651.712 đồng (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ngân hàng V1 khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.565.000 đồng theo biên lai thu số 300994, ngày 03/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 289.651.712 đồng x 5% = 14.482.585 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 147, 227, Điều 244, 266, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 117, 119, 357, 422, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V (V1) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 289.651.712 đồng *(Hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm mười hai đồng)* (trong đó: Nợ gốc 174.895.451 đồng; lãi trong hạn 82.504.174 đồng; lãi quá hạn 41.252.087 đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ.

Kể từ ngày 18/7/2026, bà Nguyễn Thị T3 còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi bà T3 thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.565.000 đồng theo biên lai thu số 300994, ngày 03/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.482.585 đồng *(Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).*

4. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sư năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2- An Giang;
- PTHADS khu vực 2- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình